

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày 03/01/2023.

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Được.

Ông Kim Na Rinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đây, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lý Phước Bền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2022/TLST-HNGĐ, ngày 16/11/2022, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HN, ngày 21/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Sa N, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp L Chùa, xã Đ, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Hữu T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/11/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Thạch Thị Sa N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh T xác lập hôn nhân năm 2004 và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/4/2012 tại UBND xã Đ, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Khi tiến đến hôn nhân, chị và anh Thiếu quen nhau

khoảng 01 năm, không có tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán, Nữ trang ngày cưới bán hết không còn. Vợ chồng chung sống được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn, anh T tụ tập bàn bè, uống rượu thường xuyên, không lo làm ăn, mỗi lần chị góp ý thì gây gỗ, cãi vã và đánh chị nhiều lần, vì chồng con, chị cố chịu đựng sống chung, nhưng anh T không thay đổi tính tình mà ngày càng mâu thuẫn nhiều hơn, mặt khác vợ chồng còn mâu thuẫn với nhau về việc chi tiêu tiền bạc, cãi vã chửi nhau, sống không có hạnh phúc, sự việc kéo dài đến tháng 10 năm 2022 thì vợ chồng sống ly thân. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- *Về nuôi con tên:* Lê Thị Minh T, sinh ngày 19/01/2007, Lê Thị Minh T sinh ngày 11/3/2015 và Lê Hữu T, sinh ngày 07/7/2020. Chị xin được quyền nuôi dưỡng 03 người con khi ly hôn.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng, số nợ phải thu, phải trả:* Chị không tranh chấp, không khởi kiện.

Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất, bị đơn anh Lê Hữu T vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

- *Con tên Lê Thị Minh T ý kiến:* Trường hợp cha mẹ ly hôn nhau, nguyện vọng của con xin được sống với mẹ.

- *Con tên Lê Thị Minh T ý kiến:* Trường hợp cha mẹ ly hôn nhau, nguyện vọng của con xin được sống với mẹ.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên.

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh T, giao 03 người con tên Lê Thị Minh T, sinh ngày 19/01/2007, Lê Thị Minh T sinh ngày 11/3/2015 và Lê Hữu T, sinh ngày 07/7/2020 cho chị N được quyền chăm sóc nuôi dưỡng khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Buộc chị N nộp án phí hôn nhân theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh Lê Hữu T là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa lần thứ nhất, anh T vắng mặt và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị N khởi kiện anh T yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, chị xin được quyền nuôi dưỡng 03 người con khi ly hôn, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy chị N và anh T xác lập hôn nhân năm 2004 và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/4/2012 tại UBND xã Đ, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Từ đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

Chị N khai: Vợ chồng chung sống được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn, anh T tụ tập bàn bè, uống rượu thường xuyên, không lo làm ăn, mỗi lần chị góp ý thì gây gỗ, cãi vã và đánh chị nhiều lần, vì chồng con, chị cố chịu đựng sống chung, nhưng anh T không sửa đổi mà ngày càng mâu thuẫn nhiều hơn, mặt khác vợ chồng còn mâu thuẫn nhau về việc chi tiêu tiền bạc, cãi vã chửi nhau, sống không có hạnh phúc, sự việc kéo dài đến tháng 10 năm 2022 thì vợ chồng sống ly thân đến nay. Nay chị cương quyết xin được ly hôn với anh T.

Đối với anh Lê Hữu T: Tòa án giao Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh nhận để anh tham gia tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải anh T đều vắng mặt không có lý do, nên phiên hòa giải đoàn tụ không tiến hành được, tại bản tự khai đề ngày 15/11/2022 anh T không đồng ý ly hôn, nhưng anh không đưa ra được hướng đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc, hôm nay tại phiên tòa xét xử lần nhất, anh T tiếp tục vắng mặt, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T xảy ra từ tháng 10 năm 2022 đến nay, anh chị đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, tại phiên tòa chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết ly hôn không chung sống với anh T. Từ đó làm cho mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh T là đúng quy định của pháp luật.

- *Về nuôi con:* Xét thấy anh T và chị N chung sống sinh 03 người con tên Lê Thị Minh T, sinh ngày 19/01/2007, Lê Thị Minh T sinh ngày 11/3/2015 (02 con hiện đang sống với mẹ) và Lê Hữu T, sinh ngày 07/7/2020 (đang sống với cha). Trong thời gian sống ly thân cháu T và cháu T sống với chị N, còn cháu T sống với anh T, các con đều được cha mẹ chăm sóc chu đáo về mọi mặt. Tuy nhiên tại thời điểm xét xử cháu T mới 02 tuổi 05 tháng cần phải được sự nuôi dưỡng, chăm sóc của người mẹ được quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi”.

Tại phiên tòa chị N xin được quyền nuôi dưỡng 03 người con là phù hợp nguyện vọng của cháu T và cháu T là xin được sống với mẹ. Để tạo điều kiện cho các con có cuộc sống ổn định nhằm phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần. Căn cứ điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao 03 người con cho chị N được quyền nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh T được quyền thăm và chăm sóc các con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị N không đặt ra yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Thạch Thị Sa N có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

[5]. Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 228, 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Thạch Thị Sa N.

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Thạch Thị Sa N được ly hôn với anh Lê Hữu T.

- *Về nuôi con:*

Chị Thạch Thị Sa N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng 02 con tên Lê Thị Minh T, sinh ngày 19/01/2007, Lê Thị Minh T sinh ngày 11/3/2015 và Lê Hữu T, sinh ngày 07/7/2020, khi ly hôn.

Anh Lê Hữu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc chị Thạch Thị Sa N nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012595, ngày 15/11/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị Thạch Thị Sa N đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo*:

+ Chị Thạch Thị Sa N có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Anh Lê Hữu T vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày anh nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã Đ, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm